|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /TTr-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Về Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025**

Kính gửi: Quốc hội

Chính phủ kính trình Quốc hội phương án Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Điều chỉnh kế hoạch), như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA 5 NĂM 2021 - 2025

Trong những năm gần đây, tình hình căng thẳng thương mại và công nghệ giữa các nước lớn leo thang khiến các nhà đầu tư có xu hướng tìm kiếm một địa chỉ đầu tư sản xuất ổn định và ít rủi ro hơn. Xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI sau đại dịch Covid-19 diễn ra nhanh, quyết liệt hơn. Trong đó, Việt Nam được đánh giá là một điểm sáng về thu hút đầu tư do môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện, thị trường nội địa lớn, mức sống người dân ngày càng tăng; ổn định chính trị; có cơ chế, chính sách (về đất đai, thuế, lao động, điều hành kinh tế vĩ mô như tỷ giá, lãi suất)... nhất quán, ít thay đổi, có thể dự báo được; thông tin công khai, minh bạch; cơ sở hạ tầng đồng bộ (khu công nghiệp và các dịch vụ đi kèm, điện, nước, giao thông vận tải, thông tin, logistics...);

Sau khi được Quốc hội quyết định Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 tại Nghị quyết số 39/QH15, Bộ Chính trị đã thông qua 06 Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng liên quan[[1]](#footnote-1); Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các quy hoạch ngành Quốc gia[[2]](#footnote-2), quy hoạch tỉnh[[3]](#footnote-3), thành phố trực thuộc Trung ương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; hiện nay đang thực hiện điều chỉnh một số quy hoạch ngành quốc gia như quy hoạch mạng lưới đường bộ, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam... Bên cạnh đó, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về Chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, các dự án đường sắt đô thị; các dự án đường cao tốc, đường vành đai; đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm; Nghị quyết 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 để kịp thời đáp ứng nhu cầu cấp thiết sử dụng đất triển khai các dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ; Nghị quyết số 112/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách Trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Công điện số 01/CĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2024 về đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án, công trình hạ tầng giao thông; các công trình về năng lượng… dẫn đến thay đổi một số chỉ tiêu sử dụng đất đã được Quốc hội phê duyệt đến năm 2025.

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm quốc gia theo chỉ đạo của Quốc hội, Chỉnh phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời đảm bảo quỹ đất cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát huy nguồn lực từ đất đai. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 và Công điện số 1175/CĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tháo gỡ khó khăn về chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương, đến nay có 59/63 tỉnh có đề nghị điều chỉnh tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ đến năm 2025, tập trung vào điều chỉnh vào một số chỉ tiêu chính sau: đất khu công nghiệp (44 tỉnh), đất phát triển hạ tầng (43 tỉnh), đất giao thông (36 tỉnh), đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (26 tỉnh), đất công trình năng lượng (21 tỉnh), đất trồng lúa (34 tỉnh)... Riêng đất khu công nghệ cao có 06 tỉnh[[4]](#footnote-4) đề xuất tăng thêm với diện tích là 3.492 ha cao hơn 649 ha so với Kế hoạch đã phê duyệt Quốc hội phê duyệt.

Từ những nội dung nêu trên, cần thiết phải điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 để đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, địa phương đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

# II. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC LẬP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia tại Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 và Công điện số 1175/CĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tháo gỡ khó khăn về chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã 08 lần ban hành văn bản gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các tỉnh); chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức khảo sát và làm việc với 13 tỉnh để kiểm tra việc thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ đồng thời nắm bắt thực tế nhu cầu của địa phương; trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất của 63 tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; kết quả làm việc với các tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất và nhu cầu đề xuất điều chỉnh của các tỉnh để xây dựng phương án điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 89/TTr-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Tờ trình số 99/TTr-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 5171/BTNMT-QHPTTNĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Báo cáo số 144/BC-BTNMT ngày 11 tháng 10 năm 2023 báo cáo Thường trực Chính phủ về tổng hợp, đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 của các địa phương. Căn cứ chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, để kịp thời đáp ứng nhu cầu cấp thiết sử dụng đất triển khai các dự án, công trình trọng điểm quốc gia; tranh thủ cơ hội thu hút, kêu gọi đầu tư, hồi phục và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ phát sinh nhu cầu sử dụng đất lớn, làm thay đổi về khả năng thực hiện kế hoạch sử dụng đất do vậy việc thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 là cần thiết và phải căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Đất đai năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

Thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ. Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, địa phương tổng kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; tổ chức điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, Bộ ngành, lĩnh vực để lập điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất. Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học.

# III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

## 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về Chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

- Nghị quyết 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

- Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025.

- Công điện số 1175/CĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn về chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương.

## 2. Kết quả thực hiện

Căn cứ các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ và số liệu thống kê đất đai do các tỉnh báo cáo tính đến ngày 31/12/2023 đạt 10,79%. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất so với chỉ tiêu phân bổ như sau: Đất phi nông nghiệpđạt 26,98%[[5]](#footnote-5); Đất khu công nghiệp đạt 35,39%[[6]](#footnote-6); Đất giao thông đạt 37,54%[[7]](#footnote-7); Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đạt 29,87%[[8]](#footnote-8); Đất công trình năng lượng đạt 17,83%[[9]](#footnote-9); Đất nông nghiệpđạt 56,72%[[10]](#footnote-10); Đất trồng lúa đạt 22,91%[[11]](#footnote-11); Đất rừng đặc dụng đạt 39,97%[[12]](#footnote-12).

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, tình hình thế giới, trong nước trong các năm 2021 đến 2023 diễn biến phức tạp, khó khăn hơn so với dự báo, tác động toàn diện tới phát triển kinh tế - xã hội do vậy, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến ngày 31/12/2023 chưa cao. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, tiếp tục là điểm sáng của kinh tế toàn cầu. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Dự báo các năm tới sẽ là năm tăng tốc bứt phá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

# IV. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG DẤT QUỐC GIA 5 NĂM 2021-2025

## Mục tiêu

- Đảm bảo quỹ đất để thực hiện các công trình, dự án trọng điểm có tính kết nối liên vùng, quy mô lớn được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các nguồn vốn khác đáp ứng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Điều chỉnh hợp lý, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, duy trì tỷ lệ che phủ rừng, giảm thiểu ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa thiên nhiên; gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

## 2. Nguyên tắc điều chỉnh

- Việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở cân bằng giữa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương phù hợp với thực tiễn, gắn với trách nhiệm và khả năng thực hiện của từng địa phương trong việc tổ chức thực hiện và đảm bảo vì mục tiêu phát triển chung của quốc gia. Đảm bảo quản lý chặt chẽ, giữ ổn định chỉ tiêu đất trồng lúa để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững và bảo tồn di sản quốc gia, di sản thế giới. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất được tiếp cận trên cơ sở tổng hợp nhu cầu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của các Bộ, ngành và địa phương. Diện tích điều chỉnh đến năm 2025 không vượt quá chỉ tiêu đến năm 2030[[13]](#footnote-13) đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021.

- Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất được tiếp cận trên cơ sở kết quả thực hiện, xu thế chuyển dịch đất đai; đảm bảo quỹ đất để thực hiện các công trình, dự án trọng điểm có tính kết nối liên vùng, có tính lan tỏa, thúc đẩy phát triển, quy mô lớn được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và các nguồn vốn khác, tập trung tại các vùng động lực[[14]](#footnote-14), cực tăng trưởng quốc gia, hành lang kinh tế, các địa bàn có tiềm năng… theo định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội[[15]](#footnote-15) để đưa nguồn lực đất đai vào khai thác sử dụng kịp thời, hiệu quả.

- Đối với đất khu công nghiệp: trên cơ sở kết quả thực hiện, tỷ lệ lấp đầy, đề xuất nhu cầu, phù hợp với quy hoạch; rà soát diện tích các khu công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang trong quá trình thực hiện thủ tục xin chủ trương đầu tư; ưu tiên điều chỉnh bổ sung quỹ đất cho các tỉnh thuộc các vùng động lực, vành đai công nghiệp, trung tâm công nghiệp…

- Đối với các chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh: theo khoản 2 Mục III Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội cho phép điều chỉnh chỉ tiêu theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh phân bổ cho các tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chưa tổ chức lập, trình thẩm định kế hoach sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh, do vậy việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất kỳ kế hoạch 2021-2025 của các tỉnh được xem xét trên cơ sở đề xuất nhu cầu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia: điều chỉnh các chỉ tiêu thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 về giai đoạn 2021 - 2025 để tập trung thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, các dự án nằm ngoài danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với quy hoạch để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022 – 2025.

- Đối với các chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo đã được tính toán trên cơ sở định mức sử dụng đất. Do vậy, việc điều chỉnh tăng diện tích các chỉ tiêu này chỉ xem xét đối với các tỉnh có luận cứ đầy đủ trên cơ sở danh mục các công trình, dự án thực hiện trong giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh giảm diện tích đối với các địa phương có đề xuất giảm, không có nhu cầu sử dụng.

- Đối với đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: đã được tính toán trên cơ sở định mức sử dụng đất; tuy nhiên, hiện nay một số địa phương đề xuất tăng chỉ tiêu này để thực hiện các dự án sân gôn nhằm phát triển kinh tế thể thao, tăng khả năng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Do vậy, sẽ tính toán, điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất từ kỳ kế hoạch 2026-2030 chuyển sang thực hiện trong kỳ kế hoạch 2021-2025, nhưng phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ.

- Đối với chỉ tiêu đất lâm nghiệp: điều chỉnh đối với các tỉnh đề xuất có đủ cơ sở, căn cứ thực hiện các công trình, dự án vì lợi ích quốc gia, công cộng, quốc phòng, an ninh và chuyển đổi chức năng giữa các loại rừng; điều chỉnh tiến độ thực hiện giữa các giai đoạn qua kỳ quy hoạch.

- Đối với chỉ tiêu khu chức năng (đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế, đất đô thị): bố trí đủ quỹ đất theo đề xuất nhu cầu của địa phương và đã Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy hoạch.

## 3. Phương án Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025

### 3.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2025 của cả nước là 27.711,42 nghìn ha, chiếm 83,63% diện tích tự nhiên, giảm 155,41nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm 32,69 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 43,64 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 17,48 nghìn ha, vùng Tây Nguyên giảm 5,78 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 43,33 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 12,49 nghìn ha. Trong đó:

#### a) Đất trồng lúa

Đến năm 2025 diện tích đất trồng lúa của cả nước có 3.675,76 nghìn ha, giảm 57,28 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm 7,15 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 25,46 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 13,06 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,12 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 3,73 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 8,00 nghìn ha.

#### b) Đất chuyên trồng lúa nước

Đến năm 2025 diện tích đất chuyên trồng lúa nước của cả nước có 3.034,01 nghìn ha, giảm 51,94 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm 5,56 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 23,02 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 9,35 nghìn ha, vùng Tây Nguyên giảm 0,90 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 3,98 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 9,13 nghìn ha.

#### c) Đất rừng phòng hộ

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 5.140,22 nghìn ha, giảm 31,76 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm 1,67 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 8,25 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 18,57 nghìn ha, vùng Tây Nguyên không thay đổi so với diện tích đã đươc phê duyệt, vùng Đông Nam Bộ giảm 1,57 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 1,70 nghìn ha.

#### d) Đất rừng đặc dụng

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 2.410,43 nghìn ha, tăng 34,80 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,01 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 10,06 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 16,27 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 7,98 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 0,06 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 0,54 nghìn ha.

đ) Đất rừng sản xuất

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 8.046,71 nghìn ha, giảm 41,65 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm 8,00 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 0,64 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 23,72 nghìn ha, vùng Tây Nguyên giảm 6,00 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 0,10 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 3,19 nghìn ha.

#### e) Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 3.953,46 nghìn ha, giảm 0,85 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 20,63 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng không thay đổi diện tích so với diện tích đã được phê duyệt, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 3,35 nghìn ha, vùng Tây Nguyên giảm 24,19 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 0,27 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 0,37 nghìn ha.

### 3.2. Đất phi nông nghiệp

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 4.585,19 nghìn ha, tăng 180,30 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 26,58 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 44,24 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 46,07 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 7,26 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 42,99 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 13,16 nghìn ha.

#### a) Đất quốc phòng

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 262,60 nghìn ha, tăng 5,28 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,29 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 1,02 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 2,51 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,84 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,50 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 0,12 nghìn ha.

#### b) Đất an ninh

Đến năm 2025 cả nước có 70,80 nghìn ha, không thay đổi so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 1,19 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 2,15 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 4,89 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,47 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,43 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 0,65 nghìn ha.

#### c) Đất khu công nghiệp

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 194,77 nghìn ha, tăng 41,93 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 3,19 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 14,19 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 8,18 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,39 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 10,83 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 5,15 nghìn ha.

#### d) Đất phát triển hạ tầng

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 1.605,50 nghìn ha, tăng 38,0 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 7,27 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 4,84 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 12,60 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 2,90 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 9,67 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 0,72 nghìn ha.

*\* Đất giao thông*

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 862,89 nghìn ha, tăng 30,85 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 5,95 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 4,29 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 10,47 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 2,71 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 6,43 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 1,00 nghìn ha.

*\* Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 15,73 nghìn ha, tăng 0,63 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,04 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,30 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 0,14 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,01 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,42 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không thay đổi diện tích so với diện tích đã được phê duyệt.

*\* Đất xây dựng cơ sở y tế*

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 10,49 nghìn ha, tăng 0,59 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,08 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,09 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 0,11 nghìn ha, vùng Tây Nguyên không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,31 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt.

*\* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 66,00 nghìn ha, tăng 1,59 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,05 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 0,04 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 0,09 nghìn ha, vùng Tây Nguyên không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt, vùng Đông Nam Bộ tăng 1,80 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 0,31 nghìn ha.

*\* Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 32,07 nghìn ha, tăng 2,30 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,63 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,65 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 0,52 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,03 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,51 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 0,04 nghìn ha.

*\* Đất công trình năng lượng*

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 255,18 nghìn ha, tăng 3,03 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 0,52 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,32 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 1,74 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,14 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,23 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 0,08 nghìn ha.

\* Đất công trình bưu chính, viễn thông

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 1,98 nghìn ha, giảm 0,99 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 0,76 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 0,20 nghìn ha, vùng Tây Nguyên không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt, vùng Đông Nam Bộ giảm 0,03 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không thay đổi diện tích so với diện tích đã được phê duyệt.

#### đ) Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 0,45 nghìn ha, không thay đổi chỉ tiêu so với Kế hoạch đã phê duyệt, trong đó các chỉ tiêu phân theo vùng kinh tế - xã hội cũng không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt.

#### e) Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 11,62 nghìn ha, tăng 0,91 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm 0,07 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,15 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 0,53 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,01 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,29 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt.

#### g) Đất bãi thải, xử lý chất thải

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 15,85 nghìn ha, tăng 1,59 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 1,04 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,06 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 0,48 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 0,03 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 0,02 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không thay đổi diện tích so với diện tích đã được phê duyệt.

### 3.3. Đất chưa sử dụng

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 837,75 nghìn ha, giảm 24,65 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 6,11 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 0,66 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 28,57 nghìn ha, vùng Tây Nguyên giảm 1,18 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 0,34 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giảm 0,69 nghìn ha.

### 3.4. Đất khu chức năng

### a) Đất khu kinh tế

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 1.649,55 nghìn ha, tăng 0,02 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc không thay đổi diện tích so với diện tích đã được phê duyệt, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 20,40 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 36,55 nghìn ha, vùng Tây Nguyên giảm 54,43 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 2,50 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không thay đổi diện tích so với diện tích đã được phê duyệt.

### b) Đất khu công nghệ cao

Đến năm 2025, cả nước có 4,14 nghìn ha, không thay đổi so với Kế hoạch đã phê duyệt; tuy nhiên có điều chỉnh giữa các vùng trong đó: vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 0,21 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ giảm 0,21 nghìn ha.

### c) Đất đô thị

Điều chỉnh đến năm 2025, cả nước có 2.825,69 nghìn ha, tăng 264,99 nghìn ha so với Kế hoạch đã phê duyệt. Cụ thể, vùng Trung du miền núi phía Bắc tăng 7,44 nghìn ha, vùng Đồng bằng sông Hồng tăng 45,71 nghìn ha, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 68,28 nghìn ha, vùng Tây Nguyên tăng 35,79 nghìn ha, vùng Đông Nam Bộ tăng 40,88 nghìn ha và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long tăng 66,89 nghìn ha.

# V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật; tiếp tục triển khai việc xác định ranh giới trên bản đồ, công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong tham gia giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương thực hiện tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất. Tăng cường công tác quản lý về khai thác tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước đi đôi với công tác bảo vệ môi trường.

- Đối với các dự án đã có quyết định phê duyệt, quyết định đầu tư, dự án kêu gọi đầu tư cần phải công bố rộng rãi để người dân được biết và thực hiện nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý tình trạng lãng phí đất đai, đất được giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng; xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, làm hủy hoại đất, thoái hóa đất.

- Đẩy nhanh chuyển đổi số, phấn đấu đến năm 2025 hoàn thiện, kết nối liên thông hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, trong đó có dữ liệu về kế hoạch quản lý cập nhật biến động đến từng thửa đất, công bố công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc lập và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất; dự báo, cảnh báo điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính để hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất; bảo đảm nguồn lực thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh trong đô thị và khu công nghiệp; quản lý chặt chẽ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

# VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chính phủ hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và chỉ đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức công bố công khai, phát huy vai trò giám sát của nhân dân về kế hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất; kiểm soát chặt chẽ, không để tình trạng tùy tiện điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

c) Bố trí các nguồn vốn để đảm bảo thực hiện công tác điều tra, đánh giá đất đai, xây dựng hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, xác định ranh giới, tổ chức cắm mốc diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cần bảo vệ nghiêm ngặt;

d) Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh đảm bảo chỉ tiêu, vị trí không gian sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội thông qua;

đ) Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất về Bộ Tài nguyên và Môi trường;

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, trong đó quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch thống nhất, đồng bộ giữa số liệu chỉ tiêu và khoanh định trên thực tế để đảm bảo quản lý nghiêm ngặt các chỉ tiêu trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

# VII. KIẾN NGHỊ

Chính phủ đề nghị Quốc hội biểu quyết về việc quyết định điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025), giao Thủ tướng Chính phủ căn cứ vào nhu cầu phát triển của từng ngành và địa phương để quyết định chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Trên đây là Tờ trình về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025), Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(*Kèm theo Tờ trình này là hồ sơ về điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất[[16]](#footnote-16))*./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;- Văn phòng Quốc hội;- Các Ủy ban của Quốc hội;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- VPCP: BTCN, các PCN; TGĐ Cổng TTĐTCP;- Lưu: VT, NN (2b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |

1. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2023. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023); Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản (số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023); Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt quốc gia (số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023); Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia (số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023). [↑](#footnote-ref-2)
3. Đến thời điểm 31/1/2024 đã có 52 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. Không bao gồm đất các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lâm nghiệp công nghệ cao [↑](#footnote-ref-4)
5. Đất phi nông nghiệp: 60 tỉnh thực hiện tăng với diện tích 135,63 nghìn ha và 03 tỉnh giảm với diện tích 7,83 nghìn ha chủ yếu do rà soát lại diện tích đất quốc phòng [↑](#footnote-ref-5)
6. Đất khu công nghiệp: 24 tỉnh thực hiện đạt trên 20%, 06 tỉnh thực hiện đạt từ 10% đến dưới 20%, 06 tỉnh thực hiện đạt từ 5% đến dưới 10%, 10 tỉnh thực hiện đạt dưới 5% và 17 tỉnh chưa thực hiện [↑](#footnote-ref-6)
7. Đất giao thông: 42 tỉnh thực hiện trên 20%, 11 tỉnh thực hiện từ 10% đến dưới 20%, 04 tỉnh thực hiện từ 5% đến dưới 10%, 04 tỉnh thực hiện thấp hơn 5% và 02 tỉnh chưa thực hiện [↑](#footnote-ref-7)
8. Đất xây dựng cơ sở TDTT: 20 tỉnh thực hiện trên 10%, 25 tỉnh thực hiện dưới 10% và 18 tỉnh chưa thực hiện [↑](#footnote-ref-8)
9. Đất công trình năng lượng: 29 tỉnh thực hiện trên 10%, 31 tỉnh thực hiện dưới 10% và 3 tỉnh chưa thực hiện [↑](#footnote-ref-9)
10. Đất nông nghiệp: 38 tỉnh thực hiện trên 20%; có 08 tỉnh thực hiện từ 10% đến dưới 20%; có 04 tỉnh thực hiện từ 5% đến dưới 10%; có 11 tỉnh thực hiện dưới 5%; có 10 tỉnh chưa thực hiện giảm diện tích đất nông nghiệp [↑](#footnote-ref-10)
11. Đất trồng lúa: 24 tỉnh thực hiện trên 20%; 13 tỉnh thực hiện từ 10% đến dưới 20%; 09 tỉnh thực hiện từ 5% đến dưới 10%; 11 tỉnh thực hiện thấp dưới 5% và 06 tỉnh chưa thực hiện [↑](#footnote-ref-11)
12. Đất rừng đặc dụng: 17 tỉnh thực hiện trên 10%, 14 tỉnh thực hiện thấp hơn 10% và 32 tỉnh chưa thực hiện. [↑](#footnote-ref-12)
13. Không bao gồm các chỉ tiêu khu chức năng: đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế, đất đô thị [↑](#footnote-ref-13)
14. Các tỉnh thuộc vùng động lực phía Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên), phía Nam (TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu); các tỉnh thuộc vùng động lực miền Trung (Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi); vành đai công nghiệp (Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc); trung tâm công nghệp (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận); vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ (Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình); các tỉnh thuộc vùng động lực Đồng bằng sông Cửu Long (Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ). [↑](#footnote-ref-14)
15. Nghị quyết số 81/2023/QH15 về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. [↑](#footnote-ref-15)
16. Gồm:

- Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 (kèm theo hệ thống bảng, biểu số liệu).

- Hệ thống bản đồ: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia; bản đồ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia: bản dạng giấy ở tỷ lệ 1:1.000.000; bản đồ số ở tỷ lệ 1:100.000 - 1:1.000.000;

- Dự thảo Tờ trình của Chính phủ và Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025)./. [↑](#footnote-ref-16)